

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 190/2021/HNGĐ-ST;

Ngày: 09-7-2021.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhân

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Quý, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hồ Hoàng D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Anh D xin vắng mặt; chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn anh Hồ Hoàng D trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Mỹ T cưới nhau năm 1989, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Công. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế

nên chị T bỏ nhà đi làm xa nhưng anh và chị T vẫn cố gắng duy trì hôn nhân đến cuối năm 2020, anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 03 con tên Hồ Ngọc H, sinh năm 1990, Hồ Ngọc Th, sinh năm 1993 và Hồ Duy N, sinh ngày 09/01/2006. Hiện cháu H và cháu Th đã trưởng thành, cháu N đang sống với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi cháu N và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Hoàng D về việc xin ly hôn, về yêu cầu nuôi con chung.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Hồ Hoàng D yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T, yêu cầu nuôi con con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn anh Hồ Hoàng D có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh D, chị T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Hoàng D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: Anh Hồ Hoàng D và chị Nguyễn Thị Mỹ T cưới nhau năm 1989, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh D xin ly hôn với chị T với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế nên chị T bỏ đi làm xa nhưng anh D và chị T vẫn cố gắng duy trì hôn nhân đến cuối năm 2020, anh D và chị T đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Tại phiên tòa, anh D xin vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị T, phía chị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy chị T không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị T không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh Hồ Hoàng D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi cháu Hồ Duy N, sinh ngày 09/01/2006 của anh D là có cơ sở vì cháu Ngọc đang sống với anh D đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt; cháu N có nguyện vọng muốn được sống với anh D. Phía chị T không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng cháu Ngọc và vắng mặt tại phiên tòa cho thấy chị T đã từ bỏ quyền yêu cầu nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của anh D, giao cháu N cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Anh D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Anh D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Hồ Hoàng D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Hoàng D.

Về tình cảm: Anh Hồ Hoàng D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T.

Về con chung: Giao cháu Hồ Duy N, sinh ngày 09/01/2006 cho anh Hồ Hoàng D nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi, lao động được.

Chị Nguyễn Thị Mỹ T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Anh Hồ Hoàng D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017284 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy anh D đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện G;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA